

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **110 /2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 11/3/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Thuỳ Trang**;

2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 563/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Võ Thị G**, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Quốc H**, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp E, xã F, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Võ Thị G trình bày: Chị và anh H tìm hiểu và tự nguyện cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, Tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 28/6/2010. Quá trình anh chị sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi và chị có nộp đơn xin ly hôn vào năm 2014 chị đã cho anh H cơ hội sửa đổi, hàn gắn tình cảm nên chị đã rút đơn khởi kiện. Sau đó anh H lại tiếp tục không chăm lo gia đình, mâu thuẫn nên anh chị sống ly thân từ năm 2018, nay chị nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, không khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Quốc I, sinh ngày 20/9/2012. Chị G đang nuôi dưỡng con chung, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về I sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Đối với bị đơn anh Nguyễn Quốc H từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng anh H vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

* Tại phiên tòa, chị G vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho chị được ly hôn anh Nguyễn Quốc H.

Về con chung: Chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con

Về I sản chung và nợ chung: chị G trình bày không có.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân chị G và anh H mâu thuẫn trầm trọng, chị G đã nộp đơn ly hôn vào năm 2014, chị đã cho anh H thời gian sửa đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh vẫn không thay đổi. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị G ly hôn với anh H.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Quốc Hữu I, sinh ngày 20/9/2012, cháu I có nguyện vọng sống với chị G nên cần thiết giao cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng con chung để cháu có cuộc sống ổn định, phát triển tốt.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị G không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

+ Về I sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các I liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của chị Võ Thị G về việc tranh chấp “ly hôn” với anh Nguyễn Quốc H có hộ khẩu thường trú tại ấp E, xã F, huyện A, tỉnh Tiền Giang thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về hôn nhân: Qua lời trình bày của chị Võ Thị G, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị và anh H tìm hiểu và tự nguyện cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, Tỉnh Long An và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 28/6/2010. Quá trình anh chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi và chị đã nộp đơn ly hôn vào năm 2014 sau đó chị cho anh H thời gian sửa đổi hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H vẫn không thay đổi và anh chị sống ly thân từ năm 2018, nay chị nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, không khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H nhưng anh vẫn không đến tham dự phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị G, điều đó chứng tỏ anh H không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị G đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị G là phù hợp với qui định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Quốc Hữu I sinh ngày 20/9/2012. Hiện con chung đang được chị G nuôi dưỡng, đồng thời cháu Hữu I có nguyện vọng được sống với chị G, nên xét thấy con chung còn nhỏ nên cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ và có cuộc sống ổn định, phát triển tốt nên cần tiếp tục giao cháu Hữu I cho chị G nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Quốc H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G không có yêu cầu.

[4] Về I sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Đối với anh Nguyễn Quốc H Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh vẫn vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh H.

Từ những nhận định trên và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị G.

[1] Về hôn nhân: Chị Võ Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Quốc Hữu I, sinh ngày 20/9/2012 cho chị Võ Thị G tiếp tục nuôi chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Quốc H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G không có yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[3] Về I sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Võ Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị G đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004338 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang nên chị đã thi hành xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Anh Nguyễn Quốc H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh TG;
- VKSNDHCG-TG
- Chi cục THADSHCG;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng